

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 02 - 2021
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa
2. Ông Võ Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 711/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quang Thị A, sinh năm 1978

Cư trú: Số 577/11, Tổ 14, ấp Kh, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1976

Cư trú: Số 577/11, Tổ 14, ấp Kh, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà A và ông H đều vắng mặt (bà A có đơn xin xét xử vắng mặt), ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai, trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Quang Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông H do quen biết nhau rồi yêu thương và đi đến kết hôn vào năm 1999, năm 2002 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn về sống chung, ông bà sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, xuất phát từ việc ông H đánh đập bà, xem thường bà. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể chung sống được nữa nên bà A xin ly hôn ông H. Hiện nay bà và ông H đã không còn chung sống nữa.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 03 con chung là cháu Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2000; cháu Huỳnh Văn S, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2002 và cháu Huỳnh Hữu D, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009. Hiện nay các con đang ở với ông H, nên để ổn định cho con thì bà A không yêu cầu nuôi con nữa. Sau này, bà A có điều kiện kinh tế bà sẽ đón cháu D về nuôi. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt;
- Bị đơn vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà A, ông H quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn dẫn đến việc bà A khởi kiện ly hôn đối với ông H do ông H thường xuyên uống rượu, đánh đập bà A, vợ chồng lại bất đồng quan điểm sống, tranh cãi thường xuyên xảy ra. Ông H mặc dù được tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng từ chối nhận thể hiện ông biết việc bà A khởi kiện nhưng không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải. Nhận thấy, nay tình cảm vợ, chồng bà A không

còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà A ly hôn ông H. Về con chung: Cháu Như Y và cháu S đã trưởng thành nên không xem xét, cháu D hiện sinh sống với ông H, bà A không có tranh chấp, ông H không có ý kiến, cháu D có nguyện vọng sống cùng cha, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu D để ông H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, bà A không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Quang Thị A và ông Huỳnh Văn H kết hôn có đăng ký kết hôn; Bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố X. Kết hôn được khoảng thời gian dài thì bà A, ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông H đánh đập bà A. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông H. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông H không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, bà A và ông H không còn chung sống với nhau đã lâu, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà A xác định bà và ông H có ba con chung là cháu Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2000; cháu Huỳnh Văn S, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2002 và cháu Huỳnh Hữu D, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009. Bà A đồng ý giao cháu D cho ông H nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Ông H không cung cấp ý kiến cho Tòa án về vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu D đang do ông H nuôi dưỡng và cháu D cũng có nguyện vọng muốn sống cùng ông H nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu D, tạo điều

kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A về việc giao cháu D cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về mức cấp dưỡng, do bà A yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con, ông H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn đối với cháu Như Y và cháu S đều đã thành niên, có đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 9; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Quang Thị A được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

2. Về con chung:

Bà Quang Thị A và ông Huỳnh Văn H có 03 (ba) con chung là cháu Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2000; cháu Huỳnh Văn S, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2002 và cháu Huỳnh Hữu D, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009.

Ông Huỳnh Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Huỳnh Hữu D. Ông Huỳnh Văn H và thành viên gia đình không được cản trở bà Quang Thị A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Hữu D.

Về việc cấp dưỡng cho cháu Huỳnh Hữu D: Không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Quang Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007698 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. Mỹ Hòa Hưng, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang